

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST

Ngày 21/02/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Tấn Ba.

Ông Nguyễn Văn Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Trí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 32/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Bích Th, sinh năm 1993; cư trú tại: Khu dân cư số X, thôn A, xã B, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh D, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Khu dân cư số X, thôn A, xã B, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi; Chỗ ở hiện nay: Khu tập thể Y, thôn AL, xã BT, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại bản tự khai, các buổi làm việc và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Bích Th trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Minh D tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Long, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 03/01/2017, theo giấy chứng nhận kết hôn số 01.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống và sinh được một con chung. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Nguyễn Minh D không có trách nhiệm với gia đình, với con chung, tính cách gia trưởng dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh D đã thuê nhà ở riêng tại xã BT, huyện BS, cuối tuần anh D thỉnh thoảng về thăm con. Tình trạng mâu thuẫn như trên đã kéo dài một thời gian nhưng vì con và mối quan hệ gia đình, bạn bè nên chị chịu đựng, mong anh D sẽ thay đổi để vợ chồng sống hạnh phúc với nhau nhưng đến năm 2022 anh D đi vay nợ nhiều nơi, chị Th đã khuyên can và nhiều lần trả nợ cho anh D, mặc dù anh D hứa sẽ thay đổi bản thân, không tái phạm nữa nhưng được một thời gian anh D lại chứng nào tật nấy, gây cho chị Th nhiều áp lực dẫn đến vợ chồng tiếp tục cãi nhau, không có tiếng nói chung. Nay chị thấy giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nghiêm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc, không thể đoàn tụ được, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Minh D.

Về con chung: Giữa chị và anh D có một con chung tên là Nguyễn Lê K, sinh ngày 07/9/2017, hiện cháu K đang học tại Trường M; cháu K từ lúc sinh ra cho đến nay đều do chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung. Chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Th xác định không có.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn là anh Nguyễn Minh D trình bày như sau:

Anh thống nhất như trình bày của chị Th về việc anh, chị kết hôn, chung sống và có một con chung tên là Nguyễn Lê K, hiện nay vợ chồng không còn sống chung với nhau; chị Th sống tại thôn A, xã B, huyện BS còn anh D thì thuê phòng sống tại thôn AL, xã BT, huyện Bình Sơn.

Ngay sau khi kết hôn thì vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D và gia đình vợ bất hòa, chị Th nghe lời gia đình chị dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, anh không sống được phía nhà vợ nên đã chuyển đến thuê nhà sống riêng như nêu trên và trong tuần sắp xếp thời gian về thăm cháu K, vợ chồng đã duy trì tình trạng như vậy trong thời gian dài.

Nay chị Th yêu cầu ly hôn anh thì anh không đồng ý vì anh thấy mâu thuẫn vợ chồng không lớn, có thể hòa giải được và anh cũng đã nhận thấy hành vi sai trái của bản thân nên đã nhiều lần xin lỗi chị Th, anh muốn vợ chồng đoàn tụ. Trường hợp, chị Th vẫn cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Giữa anh, chị có một con chung tên là Nguyễn Lê K, sinh ngày 07/9/2017, hiện đang ở chung với chị Th. Trường hợp Tòa án giải quyết

cho anh, chị ly hôn thì anh yêu cầu được nhận nuôi cháu K và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Giữa vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh D xác định không có.

Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 21/11/2022, anh D yêu cầu được đoàn tụ với chị Th nhưng anh D không ký biên bản, tự ý bỏ về. Quá trình Tòa án đưa vụ án ra xét xử mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh D đều không đến tham gia phiên tòa.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn mặc dù đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập nhưng bị đơn không đến tham gia phiên tòa là chấp hành chưa đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy giữa chị Lê Thị Bích Th và anh Nguyễn Minh D xảy ra nhiều mâu thuẫn, dù đã được hòa giải nhưng hôn nhân giữa anh chị không có khả năng đoàn tụ, vi phạm các quy định về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th.

Về con chung: Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung chưa thành niên cho chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Th không yêu cầu anh D cấp dưỡng nên đề nghị không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Th và anh D đều xác định tự thỏa thuận, chưa yêu cầu giải quyết nên đề nghị không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: Chị Th và anh D đều xác định không có nên đề nghị không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Lê Thị Bích Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Minh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn 01, ngày 03/01/2017 của Ủy ban nhân dân xã Bình Long, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, kết quả xác minh tình trạng hôn nhân và trình bày của các bên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định chị Lê Thị Bích Th và anh Nguyễn Minh D xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đúng quy định về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Mặc dù quá trình giải quyết vụ án chị Th và anh D trình bày khác nhau về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng đều thừa nhận quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn; thiếu sự chia sẻ, tôn trọng lẫn nhau; vợ chồng đã không còn sống chung, không quan tâm, chăm sóc cho nhau trong thời gian dài. Từ những nhận định trên thể hiện chị Th và anh D vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại các Điều 19, 21 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị Th và anh D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị Th yêu cầu ly hôn anh D là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung và giao nuôi con chung: Chị Th và anh D xác định giữa anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Lê K, sinh ngày 07/9/2017, hiện chị Th đang nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Th và anh D đều có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và anh chị đều cho rằng mình đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay cháu K đang sinh sống cùng với chị Th và cháu K còn nhỏ (dưới 7 tuổi) nên cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Vì vậy, để ổn định việc sinh hoạt, học tập và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu K, căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu K cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện và chị Th có đủ điều kiện, khả năng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Chị Th và anh D đều xác định anh chị có tài sản chung tuy nhiên anh chị tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Chị Th và anh D đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và xử lý tiền tạm ứng án phí: Chị Th phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp.

[2.7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 150, 227, 228, 235, 264, 266, 267, 271, 273, và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bích Th được ly hôn anh Nguyễn Minh D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê K, sinh ngày 07/9/2017 cho chị Lê Thị Bích Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Bích Th không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Lê Thị Bích Th và anh Nguyễn Minh D tự thỏa thuận chưa yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị Lê Thị Bích Th và anh Nguyễn Minh D đều xác định không có nên không đặt ra giải quyết.

6. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và xử lý tiền tạm ứng án phí: Chị Lê Thị Bích Th phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu số tiền chị Lê Thị Bích Th đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0003322, ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/02/2023). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Long, huyện Bình Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên, đóng dấu)

Võ Thị Tương